TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN LT** **TỈNH VĨNH PHÚC**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 19/2023/HNGĐ-ST
Ngày: 16 - 3 - 2023
"V/v tranh chấp hôn nhân và gia đình"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LT, TỈNH VĨNH PHÚC

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Kim Thị Ánh Vân

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Trần Thị Hồng Minh

Bà Trần Thị Kim Khuyên

- *Thư ký phiên tòa*: Bà Trần Thị Kim Dung - Thư ký Tòa án nhân dân huyện LT, tỉnh Vĩnh Phúc

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện LT, tỉnh Vĩnh Phúc tham gia phiên toà:* Bà Diệp Thị Thanh Tâm- Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 3 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện LT, tỉnh Vĩnh Phúc xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 190/2022/TLST- HNGĐ ngày 01 tháng 11 năm 2022 về việc tranh chấp hôn nhân và gia đình theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 190/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 21 tháng 01 năm 2023, giữa các đương sự:

1- Nguyên đơn: Chị Trần Thị Thúy H, sinh năm 1989(có mặt)

2 - Bị đơn: Anh Nguyễn Đức K, sinh năm 1986 (vắng mặt)

Đều cư trú: Thôn N, xã Đ, huyện LT, tỉnh Vĩnh Phúc.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện và các lời khai tiếp theo, nguyên đơn chị Trần Thị Thúy H trình bày: Chị kết hôn với anh Nguyễn Đức K 13/10/2010 trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện SL, tỉnh Vĩnh Phúc. Sau khi kết hôn vợ chồng ra ở riêng trên đất bố mẹ chị cho, quá trình chung sống vợ chồng hòa thuận đến cuối năm 2012 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là vợ chồng tính cách không hợp nhau, bất đồng quan điểm sống, anh K ghen tuông vô cớ và hay chửi bới, xúc phạm đe dọa vợ con. Vợ chồng tuy sống chung một nhà nhưng không chia sẻ và quan tâm đến cuộc sống của nhau, tháng 02/2022 chị đã dọn ra ngoài ở vợ chồng sống ly thân từ đó đến nay, thời

gian sống ly thân gia đình hai bên có dàn xếp để vợ chồng về đoàn tụ nhưng không được. Tháng 3/2022 chị đã nộp đơn xin ly hôn tại Tòa án nhân dân huyện LT, sau đó vì mong muốn vợ chồng về đoàn tụ để nuôi dạy con chung và mong muốn anh K thay đổi nên chị đã rút đơn khởi kiện. Tuy nhiên, sau khi rút đơn tình cảm vợ chồng vẫn không được cải thiện và có nhiều mâu thuẫn hơn, nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh Nguyễn Đức K.

Về con chung: Chị H và anh K có 01 con chung là cháu Nguyễn Trần Ngọc H1, sinh ngày 15/8/2011; hiện nay cháu H1 đang ở cùng anh K. Ly hôn chị H đề nghị được nuôi cháu H1, chị không yêu cầu anh K phải đóng góp nuôi con chung.

Về tài sản chung, tài sản riêng, công nợ, công sức: Chị H không đề nghị Tòa án giải quyết.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho bị đơn anh Nguyễn Đức K đến Tòa án làm việc, nhưng anh K đều vắng mặt không có lý do và cũng không có văn bản trình bày ý kiến của mình đối với yêu cầu khởi kiện của chị H.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát phát biểu quan điểm và đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng các Điều 51, 56, 81, 82 và 83 Luật hôn nhân và gia đình, cho chị Trần Thị Thúy H được ly hôn anh Nguyễn Đức K; Về con chung, chấp nhận yêu cầu của chị H giao cháu Nguyễn Trần Ngọc H1 cho chị H trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục anh K không phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị H. Về án phí: Chị H phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Nguyên đơn chị Trần Thị Thúy H khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn, tranh chấp nuôi con; bị đơn anh Nguyễn Đức K có hộ khẩu thường trú tại xã Đ, huyện LT, tỉnh Vĩnh Phúc nên Tòa án nhân dân huyện LT thụ lý giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về sự vắng mặt của bị đơn là anh Nguyễn Đức K: Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã triệu tập hợp lệ anh K đến Tòa án để làm việc, tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng và hòa giải nhưng anh K không đến Tòa án. Tại phiên tòa, anh K vắng mặt không có lý do mặc dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nên căn cứ khoản 2 Điều 227, 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Chị Trần Thị Thúy H và anh Nguyễn Đức K kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn theo đúng quy định của pháp luật nên quan hệ hôn nhân của chị H và anh K là hợp pháp. Nguyên nhân mâu thuẫn giữa chị H và anh K là do hai bên không hợp tính nhau, bất đồng quan điểm trong cuộc sống, anh K ghen tuông vô cớ và hay chửi bới, xúc phạm đe dọa vợ con. Chị H và anh K đã sống ly thân từ tháng 02/2022 cho đến nay và anh chị không còn quan tâm, chăm sóc nhau. Nay chị H xác định tình cảm vợ chồng không còn, đề nghị được ly hôn anh K. Tòa án đã tiến hành xác minh tại Ủy ban nhân dân xã Đ để xác định nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn, kết quả xác minh cho thấy tình trạng hôn nhân giữa chị H và anh K có nhiều mâu thuẫn do vợ chồng không hợp nhau, bất đồng quan điểm sống, vợ chồng nghi ngờ không tin tưởng lẫn nhau, hiện nay anh K vẫn đang sinh sống tại nhà riêng ở Thôn N, xã Đình Chu. Tòa án đã tiến hành lấy lời khai của mẹ đẻ chị H là bà Trần Thị B, bà sinh sống cạnh nhà chị H anh K, bà Bính cho biết anh chị có mâu thuẫn, đã sống ly thân từ tháng 02/2022 đến nay và không còn quan tâm chăm sóc nhau, hiện nay anh K đang sinh sống trên đất của gia đình bà. Anh K làm nghề lái xe sáng đi tối về và có nói chuyện với bà là có nhận được các giấy báo của Tòa án nhưng anh không đến Tòa án làm việc và để Tòa án giải quyết vụ việc theo quy định của pháp luật; Tòa án đã triệu tập hợp lệ nhiều lần để anh K đến Tòa án làm việc và tham gia phiên họp hòa giải, nhưng anh K đều vắng mặt không có lý do; điều đó chứng tỏ tình trạng hôn nhân giữa chị H và anh K đã mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị H đề nghị được ly hôn anh K là phù hợp.

[4] Về con chung: Vợ chồng chị H, anh K có 01 con chung là cháu Nguyễn Trần Ngọc H1, sinh ngày 15/8/2011. Hiện nay cháu H1 đang ở cùng anh K, ly hôn chị H đề nghị được trực tiếp nuôi dưỡng cháu H1, không yêu cầu anh K cấp dưỡng nuôi con chung.

Chị H hiện nay đang làm giáo viên mầm non trường song ngữ Cambridge V, thu nhập trung bình 12.000.000đồng/tháng, còn anh K là lao động tự do. Xét thấy, nguyện vọng nuôi con của chị H là chính đáng, chị H có chỗ ở, công việc và thu nhập ổn định đảm bảo đủ điều kiện nuôi con; cháu H1 là nữ giới, còn nhỏ tuổi nên cần giao cháu H1 cho chị H trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng là phù hợp; do chị H không yêu cầu nên anh K không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

[5] Về tài sản chung, tài sản riêng, công nợ, công sức: Chị H không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét, giải quyết.

[6] Về án phí: Chị Trần Thị Thúy H phải chịu theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, Điều 227, 228 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 51, 56, 58, 81, 82 và Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về hôn nhân: Chị Trần Thị Thúy H được ly hôn anh Nguyễn Đức K.

2. Về con chung: Chị Trần Thị Thúy H được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục cháu Nguyễn Trần Ngọc Hân, sinh ngày 15/8/2011 (cháu H1 đang ở cùng anh K); anh Nguyễn Đức K không phải cấp dưỡng nuôi con, anh K có quyền thăm nom con không ai được cản trở.

3. Về án phí ly hôn sơ thẩm: Chị Trần Thị Thúy H phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) nhưng được trừ vào số tiền 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0006476 ngày 01 tháng 11 năm 2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện LT, tỉnh Vĩnh Phúc; Chị H đã nộp đủ án phí.

4. Về quyền kháng cáo: Đương sự có mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tống đạt hợp lệ.

5. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKSND huyện LT;
- Chi cục THADS huyện LT;
- UBND xã Đ, huyện SL;
- Lưu hồ sơ vụ án, VP

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Kim Thị Ánh Vân